

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HC-PT
Ngày: 13/8/2025
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà
nước về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký viên Tòa Phúc
thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ
Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ
lý số 304/2025/TLPT-HC ngày 16/4/2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa
án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2025/QĐPT ngày
22/7/2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Hải Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn T, xã X,
thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng (có mặt);

- Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Công M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số B L,
Phường D, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng (Giấy ủy quyền
ngày 04/04/2024 tại Văn phòng C, có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch UBND tỉnh L (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Quốc T - Phó Giám đốc Sở N (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã X, thành phố Đ (nay là phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Công M (có căn cước nêu trên, theo Giấy ủy quyền ngày 04/04/2024 tại Văn phòng C, có mặt).

2. Ban Q; Địa chỉ: A, thôn P, xã P (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Hải Đ là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2023, ngày 25/12/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Bùi Hải Đ trình bày:

Ông Bùi Hải Đ có khai phá một diện tích đất từ năm 1997 tại xã H, huyện Đ sử dụng để trồng cà phê. Đến khoảng năm 2010 thì được biết đất này do Công ty cổ phần V quản lý. Tuy nhiên, Công ty không có ý kiến gì về việc ông sử dụng đất và ông vẫn tiếp tục canh tác trên đất. Đến khoảng đầu năm 2019, do muốn chuyển đổi loại cây trồng nên ông Đ đã chặt cà phê và dựng nhà kính khung sắt để trồng hoa. Đến tháng 4/2021 một số nhân viên thuộc Công ty V vào chặt phá cây, tháo dỡ nhà kính. Toàn bộ công trình, cây trồng trên đất đều không còn. Do không nhận được thông báo giải tỏa hay thu hồi đất của Công ty V mà lại có người đến tháo dỡ trái phép, hủy hoại tài sản trên đất nên ông Đ đã trình báo Công an huyện Đ về hành vi hủy hoại tài sản. Sau khi ông trình báo thì Công an huyện đề nghị giữ nguyên hiện trường để phục vụ điều tra. Do đó, ông Đ không còn sử dụng, canh tác trên đất, đất đã bị bỏ hoang từ tháng 4/2021 đến nay. Đến đầu năm 2022, ông Đ mới được cơ quan Công an trả lời việc tháo dỡ, giải tỏa công trình và cây trồng của ông là do nhân viên của Công ty V thực hiện theo chỉ thị của Công ty để thu hồi lại đất, nên ông Đ không có khiếu nại gì thêm.

Như vậy, từ tháng 4/2021 ông Đ đã không còn sử dụng đất thuộc sự quản lý của Công ty V, mọi tài sản trên đất đã được nhân viên của Công ty T2, giải tỏa.

Tuy nhiên, đến ngày 21/10/2022, Chủ tịch UBND huyện Đ lại ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 161/QĐ-XPHC (viết tắt là Quyết định số 161) xử phạt ông Đ về hành vi chiếm đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, buộc ông Đ nộp số tiền phạt 27.500.000 đồng và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, trong khi tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt ông Đ không thực hiện hành vi chiếm đất rừng.

Ông Đ không đồng ý nên đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện Đ. Ngày 13/06/2023, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND-

ĐT (viết tắt là Quyết định số 62) về việc giải quyết khiếu nại của ông Đ (lần đầu) với nội dung không chấp nhận nội dung mà ông Đ khiếu nại Quyết định số 161, giữ nguyên và tiếp tục thực hiện quyết định nêu trên.

Ông Đ tiếp tục khiếu nại lần 2 tới UBND tỉnh L. Đến ngày 16/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1993/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 1993) về việc giải quyết đơn khiếu nại lần 2 của ông Đ với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại và yêu cầu ông Đ tiếp tục thực hiện quyết định xử lý vi phạm hành chính do UBND huyện Đ đã ban hành.

Ông Đ không đồng ý với quyết định xử phạt và quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên bởi những căn cứ sau:

Thứ nhất, từ tháng 4/2021 ông Đ đã không còn sử dụng đất thuộc sự quản lý Công ty V, mọi tài sản trên đất đã được nhân viên của Công ty T2, giải tỏa. Thời điểm ông Đ sử dụng đất, đất vẫn thuộc quản lý của Công ty V, Công ty V Lâm biết ông Đ sử dụng đất từ năm 2010 nhưng không có ý kiến và vẫn để ông Đ canh tác nông nghiệp. Đến tháng 9/2022 UBND tỉnh L mới ban hành Quyết định số 1762/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty V thuê và giao cho Ban Q quản lý; đến thời điểm này mọi tài sản trên đất đã được nhân viên của Công ty T2, giải tỏa, ông Đ đã không còn sử dụng đất, nên không có căn cứ xác định ông Đ thực hiện hành vi chiếm đất rừng sản xuất do Ban Q quản lý.

Thứ hai, Quyết định số 161 và Biên bản vi phạm hành chính số 32/BB-VPHC do UBND xã H lập ngày 13/10/2022 (viết tắt là Biên bản số 32) đều cho rằng ông Đ có hành vi chiếm đất dựa trên việc năm 2019 ông Đ có dựng nhà kính và trồng cây, nhưng tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính thì toàn bộ công trình cây trồng đã bị bỏ hoang, không còn dấu hiệu sử dụng và việc xác định diện tích ông Đ chiếm 2.167m² cũng không biết các cơ quan chức năng dựa vào đâu để xác định diện tích này.

Thứ ba, Quyết định số 161 được ban hành dựa trên căn cứ Biên bản số 32. Tuy nhiên, Biên bản số 32 chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật, cụ thể: Theo Biên bản số 32 thì thời điểm UBND xã H phát hiện vi phạm là tháng 6/2021 theo Báo cáo số 02/BC-TCT ngày 22/6/2021 của Tổ công tác liên ngành huyện Đ, nhưng đến ngày 13/10/2022 thì UBND xã H mới cử cán bộ Địa chính lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đ.

Thứ tư, Quyết định số 1993 cho rằng đến ngày 11/10/2023, ông Đ vẫn tiếp tục sử dụng đất là không có căn cứ vì từ tháng 4/2021, sau khi bị Công ty V giải tỏa cây trồng, tháo dỡ nhà kính thì ông Đ đã không còn sử dụng đất nên không thể có việc ông Đ chiếm thêm đất để sử dụng.

Chủ tịch UBND tỉnh L cho rằng tại thời điểm ngày 11/10/2022 ông Đ có ký vào Biên bản kiểm tra số 008372/BB-KT của Ban Q là đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình là không đúng. Tại thời điểm này khi các cán bộ xuống làm việc nhưng lại không nói nội dung làm việc cho ông Đ và chỉ gọi ông Đ đến phân diện tích đất rồi gây áp lực với ông Đ, buộc ông Đ và phải ký vào biên bản. Ông Đ là nông dân quanh năm chỉ lao động ở vườn, không hiểu biết pháp luật, bị gây áp lực

nên ông Đ buộc phải ký còn nội dung ông Đ không được biết là gì, sau đó ông Đ cũng không được giữ biên bản này.

Do đó ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ Quyết định số 161, Quyết định số 62 và Quyết định số 1993.

Theo văn bản của người đại diện người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh L trình bày:

I. Căn cứ, trình tự ban hành Quyết định số 1993:

Ông Đ bị UBND huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định số 16 về hành vi chiếm đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn (thuộc khoảnh 8, tiểu khu B, xã H) do Ban Q quản lý. Hình thức xử phạt chính: phạt tiền 27.500.000 đồng và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm theo quy định.

Không đồng ý với quyết định xử phạt nói trên, ông Đ đã có đơn khiếu nại Quyết định số 161.

Đơn khiếu nại của ông Đ đã được UBND huyện Đ giải quyết (lần đầu) tại Quyết định số 62 với nội dung: “Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đ khiếu nại Quyết định số 161; giữ nguyên và tiếp tục thực hiện quyết định nêu trên. Lý do: Ông Đ có hành vi chiếm đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn do Ban Q quản lý”.

Không đồng ý với nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Đ, ông Đ đã gửi đơn đến UBND tỉnh L, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh L giải quyết khiếu nại lần hai theo quy định.

Sở N đã tiến hành thành lập Đoàn xác minh, mời người khiếu nại cùng các cơ quan có liên quan làm việc, xác minh nội dung đơn. Ngày 13/9/2023, Sở N chủ trì cùng các cơ quan có liên quan tổ chức đối thoại trực tiếp với ông Đ.

Đến ngày 28/9/2023, Sở N có Báo cáo số 514/BC-STNMT về kết quả xác minh đơn của ông Đ gửi UBND tỉnh L.

Trên cơ sở báo cáo của Sở N, ngày 16/10/2023 Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1993 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Đ với nội dung: “*Giữ nguyên Quyết định số 62/QĐ-UBND-ĐT ngày 13-6-2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Hải Đ*”.

II. Kết quả xác minh:

1. Việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đ.

Ngày 11/10/2022, Ban Q đã tiến hành kiểm tra và lập Biên bản số 008372/BB-KT về việc chiếm đất lâm nghiệp trái phép tại vị trí có toạ độ (X: 580937-Y: 1309680) khoảnh 8, tiểu khu B, thôn K, xã H đối với ông Đ; trên diện tích đất có 01 nhà kính, khung sắt, với diện tích 2.167m² đất và chuyển hồ sơ đến UBND xã H để lập thủ tục xử lý theo quy định.

Ngày 13/10/2022, UBND xã H lập Biên bản số 32 đối với ông Đ do có hành vi chiếm đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, cụ thể như sau: Tại khoảnh 8, tiểu khu B, thôn K' Rèn, xã H, với diện tích 2.167m². Hiện trạng tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính trên đất đã dựng 01 nhà kính; kết cấu: Khung sắt, cao trung bình 3,5m. Thời điểm phát hiện hành vi vi phạm vào tháng 6/2021. Cùng ngày, UBND xã H có Tờ trình số 99/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đ. Hồ sơ được chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ kiểm tra và có Tờ trình số 2399/TTr-TNMT ngày 17/10/2022.

Hồ sơ đã được Phòng Tư pháp huyện Đức Trọng thẩm tra và có Văn bản số 429/TP ngày 18/10/2022 về việc góp ý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính ông Đ.

Ngày 21/10/2022, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 161 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đ do có hành vi chiếm đất rừng sản xuất với diện tích 2.167m² thuộc khoảnh 8, tiểu khu B, thôn K' Rèn, xã H do Ban Q quản lý.

Hành vi của ông Đ vi phạm quy định điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt 27.500.000 đồng;

- Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

2. Kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính, hồ sơ quản lý đối với diện tích đất ông Đ bị xử phạt vi phạm hành chính.

Vị trí đất ông Đ sử dụng và bị lập hồ sơ xử phạt có tọa độ trung tâm (X: 580937; Y: 1309680); thuộc khoảnh 8, tiểu khu B, thôn K' Rèn, xã H, chưa được đo đạc bản đồ địa chính và hiện nay do Ban Q quản lý.

Vị trí đất nêu trên, một phần diện tích 1.341,13m² nằm trong diện tích 320ha đã được UBND tỉnh thu hồi và cho Công ty Cổ phần V thuê để triển khai dự án trồng rừng kinh tế và quản lý, bảo vệ rừng theo Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 08/4/2010 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 010615 ngày 21/5/2020, diện tích còn lại do Ban Q quản lý.

Ngày 30/9/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1762/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích 320ha đất đã cho Công ty V thuê theo Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 08/4/2010 của UBND tỉnh tại xã H, huyện Đ và giao Ban Quản lý rừng phòng hộ Đ1 quản lý.

Đối chiếu với bản đồ phân định nông nghiệp, lâm nghiệp huyện Đ đã được phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UB ngày 31/3/1998 và được điều chỉnh tại

Quyết định số 1687/QĐ-UB ngày 27/6/2000 của UBND tỉnh thì vị trí nêu trên thuộc phân định đất lâm nghiệp. Theo các Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại huyện Đ, giai đoạn 2008-2020; Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại huyện Đ giai đoạn 2014-2020; đối chiếu Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh thì vị trí nêu trên thuộc đất lâm nghiệp.

Do đó, hành vi của ông Đ là hành vi chiếm đất do Ban Q quản lý; được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ: “2. Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây: b) Tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép”.

Hành vi chiếm đất của ông Đ bị áp dụng hình thức, mức xử phạt quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019: “3. Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, thì hình thức và mức xử phạt như sau: d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,1ha đến dưới 0,5ha”.

Và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ cụ thể:

“a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này; số lợi bất hợp pháp được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.”

UBND huyện Đ đã xác định đúng hành vi, hình thức và mức xử phạt đối với hành vi vi phạm của ông Đ. Việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 161 là đúng quy định.

Ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện: Việc giải quyết khiếu nại của ông Đ đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định; Quyết định số 1993 được ban hành đúng theo trình tự, thủ tục; nội dung giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 1993 là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản của đại diện người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:

Qua rà soát hồ sơ cho thấy: Ngày 11/10/2022, Ban Q đã tiến hành kiểm tra và lập Biên bản số 008372/BB-KT và ngày 13/10/2022, UBND xã H lập Biên bản vi phạm hành chính số 32 đối với ông Đ về hành vi chiếm đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, vị trí chiếm đất 580937-1309680, thuộc khoảnh 8, tiểu khu B thôn K, xã H, diện tích chiếm 2.167m², kèm theo họa đồ vị trí chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật của Ban Q lập. Phần diện tích vi phạm thuộc lâm phần do Ban Q quản lý theo Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh L. UBND xã H chuyển hồ sơ đề nghị UBND huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi vi phạm nêu trên.

Căn cứ hồ sơ do UBND xã H chuyển đến và kết quả thẩm định, đề xuất của các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 161 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Bùi Hải Đ với hành vi vi phạm đã chiếm đất rừng sản xuất với diện tích và vị trí vi phạm nêu trên. Hiện trạng: Tại vị trí vi phạm, ông Đ đã dựng 01 nhà kính; kết cấu: Khung sắt, cao trung bình 3,5m. Thời điểm phát hiện hành vi vi phạm vào tháng 06/2021.

Căn cứ các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 và điểm d khoản 3 Điều 14; bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại điểm a, d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì việc ông Đ sử dụng đất lâm nghiệp như trên là hành vi chiếm đất và phải bị xử lý theo quy định.

Việc ông Đ khiếu nại Quyết định số 161 là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Vì vậy, Quyết định số 62 và Quyết định số 1993 là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Theo văn bản của đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Q trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất trên thực tế của ông Đ:

- Theo Bản đồ phân định nông lâm kèm theo Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 27/6/2000 của UBND tỉnh L: Toàn bộ diện 2.167m² thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp.

- Theo Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 19/02/2008 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2008-2020: Toàn bộ diện 2.167m² thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp, đối tượng rừng sản xuất.

- Theo Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2008-2020: Toàn bộ diện 2.167m² thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp, đối tượng rừng sản xuất.

- Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giai

đoạn 2008-2020: Toàn bộ diện 2.167m² thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp, đối tượng rừng sản xuất.

- Theo Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 và Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh L về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 Chủ tịch UBND tỉnh L: Toàn bộ diện 2.167m² thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp, đối tượng rừng sản xuất.

- Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất đã cho Công ty Cổ phần V thuê và giao cho Ban Q quản lý tại huyện Đ, vị trí vi phạm có tọa độ tâm VN2000:X 580937-Y 1309680 thuộc khoảnh 8, tiểu khu B, xã H, huyện Đ do Ban Q quản lý.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà T1 là vợ của ông Đ. Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2024/HC-ST ngày 25/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, khoản 1, 3 Điều 158, Điều 164, Điều 191, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001; Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2017 và năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19-10-2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án,

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hải Đ về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 161/QĐ-XPHC ngày 21/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ;

- Quyết định số 62/QĐ-UBND-ĐT ngày 13/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024, ông Bùi Hải Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Công M là người đại diện hợp pháp của ông Bùi Hải Đ không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Lê Công M và ông Bùi Hải Đ thống nhất trình bày:

Ông Đ xây dựng công trình trên đất vào năm 2010, đến tháng 4/2021 thì Công ty V L vào phá dỡ nên không còn sử dụng từ thời điểm này.

Ông Đ thừa nhận có ký vào Biên bản số 0008372/BB-KT ngày 11/10/2022 và Biên bản số 32/BB-VPHC ngày 13/10/2022 nhưng khi ký thì cán bộ Ban Q nói để phục vụ cho việc giải quyết việc tháo dỡ của Công ty V L và không cho ông có ý kiến.

Theo Báo cáo số 02 ngày 22/6/2021 của Ban Q thì diện tích vi phạm là 2.167m², nhưng người bị kiện trình bày diện tích vi phạm là 1.971m², từ đó cho rằng ông Đ tái lần chiếm là không đúng.

Biên bản số 32 xác định ông Đ có hành vi vi phạm từ tháng 6/2021 nhưng đến ngày 21/10/2022 mới ban hành Quyết định số 161 là đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

2. Những người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không tham gia tranh luận.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Đ làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện vào tháng 6/2021, ông Đ đã có hành vi xây dựng một nhà kính, có kết cấu khung sắt, cao trung bình 3,5m trên diện tích 2.167m² đất thuộc quyền quản lý của Ban Q nên Quyết định số 161 xử phạt ông Đ 27.500.000 đồng, buộc khôi phục hiện trạng ban đầu là có căn cứ; khi ông Đ khiếu nại thì Quyết định số 62, Quyết định số 1993 không chấp nhận là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Bùi Hải Đ làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chủ tịch UBND xã H và Chủ tịch UBND tỉnh L tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện; Ban Q tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên những người này có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 161/QĐ-XPHC của Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành ngày 21/10/2022, có nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đ; Quyết định số 62/QĐ-UBND-ĐT của Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành ngày 13/6/2023, có nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đ; Quyết định số 1993/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành ngày 16/10/2023, có nội dung giải quyết khiếu nại lần hai của ông Đ. Đây là các quyết định hành chính của UBND cấp huyện, tỉnh trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại. Ông Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vào ngày 22/11/2023. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, các khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông Đ, nhận thấy:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 161, Quyết định số 62; Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1993 là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

[4.2] Đối với Quyết định số 161:

Ông Đ thừa nhận có ký vào Biên bản số 8372, Biên bản số 32. Tại 02 biên bản này thể hiện vào tháng 6/2021, ông Đ có dựng 01 nhà kính, kết cấu khung sắt trên phần đất có diện tích 2.167m², có toạ độ trung tâm X.580937, Y.1309680, thuộc khoảnh 8, tiểu khu B, thôn K, xã H, huyện Đ. Ông Đ cho rằng do cán bộ Ban Q yêu cầu ông ký nhằm mục đích giải quyết việc nhân viên Công ty Cổ phần V tháo dỡ nhà kính của ông trước đây, không cho ông có ý kiến là không có căn cứ để chấp nhận, vì ngoài lời trình bày ông Đ không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

So sánh toạ độ trung tâm nêu trên với các tài liệu như Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh L về việc giao 320ha đất cho Ban Q; Bản đồ phân định nông nghiệp, lâm nghiệp huyện Đ đã được phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UB ngày 31/3/1998 và được điều chỉnh tại Quyết định số 1687/QĐ-UB ngày 27/6/2000 của UBND tỉnh L; Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại huyện Đ, giai đoạn 2008-2020; Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh L về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại huyện Đ giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh L phê duyệt kết quả điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định 2016/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh L thì vị trí đất mà ông Đ xây dựng nhà kính thuộc đất lâm nghiệp, đã được UBND tỉnh L giao cho Ban Q và đơn vị này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hành vi của ông Đ là “*Chiếm đất*” thuộc trường hợp “*Tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Hành vi này bị xử phạt theo quy định tại các điểm a, d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Hành vi vi phạm của ông Đ xảy ra vào tháng 6/2021, Quyết định số 161 ban hành ngày 21/10/2022 là còn thời hiệu xử phạt theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Do đó, có căn cứ để xác định Quyết định số 161 xử phạt ông Đ là đúng pháp luật.

[4.3] Đối với Quyết định số 62, Quyết định số 1993: Như phần trên đã xác định Quyết định số 161 được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có nội dung đúng quy định của pháp luật, nên khi ông Đ khiếu nại Quyết định này thì Chủ tịch UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND tỉnh L lần lượt ban hành Quyết định số 62, Quyết định số 1993, có nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Đ, giữ nguyên Quyết định số 161 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và ông M không xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông Đ là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Hải Đ. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, các khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 3, các điểm a, d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hải Đ về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 161/QĐ-XPHC ngày 21/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ;

- Quyết định số 62/QĐ-UBND-ĐT ngày 13/6/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Hải Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009512 ngày 08/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Đ đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa